

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2018/HSST

Ngày: 19-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Sang - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/TLST-HS ngày ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Trọng G, sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số N, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N, sinh năm 1947 và bà: D, sinh năm 1950; có vợ: T, sinh năm 1987, chưa có con; tiền án: ngày 28-02-2014, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt, tạm giữ ngày 01-12-2017, chuyển tạm giam ngày 10-12-2017; có mặt.

Họ và tên: Nguyễn Tất T, sinh năm 1985; nơi cư trú: số B đường A, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Q (đã chết) và bà: H, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 27-11-2017, Công an phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; nhân thân: ngày 13-6-2012 Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 29 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất

ma túy”; tháng 01-2017 công an phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; đều đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giữ ngày 01-12-2017, chuyển tạm giam ngày 10-12-2017; có mặt.

Người làm chứng: Ông V, ông V1 (Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa; vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 01-12-2017, tổ công tác công an xã Nam Vân, thành phố Nam Định kiểm tra hành chính đối với Trịnh Trọng G và Nguyễn Tất T đang đứng cạnh xe máy biển kiểm soát 18B1- 62454 tại bãi đất trống khu đô thị T, phường L, thành phố N. Quá trình kiểm tra, T đã thả trên tay trái xuống đất 01 gói ni lông màu trắng; G lấy trong túi quần bên trái thả xuống đất 02 xi lanh nhựa và 02 ống novocain; tổ công tác đã thu giữ kiểm tra bên trong có 05 gói nhỏ đều chứa chất bột dạng cục màu trắng, T và G đều khai nhận là 05 gói Heroine và dụng cụ sử dụng ma túy. Tổ công tác tiến hành niêm phong vật chứng, đưa T và G cùng người làm chứng về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng có chữ Aolix; tạm giữ của G 01 xe máy biển kiểm soát 18B1-62454, 01 điện thoại Nokia màu đen nắp dưới màu trắng; 01 thẻ căn cước công dân; 02 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận quân nhân đều mang tên Trịnh Trọng G; 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị T và 237.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 962/GĐKTTHS ngày 05-12-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng được niêm phong trưng cầu giám định là chất ma túy, loại chất ma túy là Heroine, có tổng khối lượng là 0,425 (không phẩy bốn trăm hai mươi lăm) gam.

Tại cơ quan điều tra, T và G khai: Khoảng 11 giờ ngày 01-12-2017, G mượn xe máy biển kiểm soát 18B1- 62454 của anh Trịnh Trọng S (em G) đi đến nhà T rủ mua ma túy về cùng sử dụng, trên đường đi G đưa cho T 600.000 đồng để mua ma túy và chở T đến khu vực đầu môm đê sông Đ, phường T, thành phố N. T xuống xe rồi đi bộ vào trong ngõ mua của một người thanh niên không rõ lai lịch 05 gói ma túy với giá 600.000 đồng, còn G điều khiển xe đi mua dụng cụ sử dụng, sau đó cả hai đi ra khu vực bãi đất trống khu đô thị M, phường L, thành phố N để sử dụng ma túy thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Bản cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố hai bị cáo T và G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo T và G khai: Khoảng 11 giờ ngày 01-12-2017, bị cáo G đi xe máy biển kiểm soát 18B1- 62454 đến nhà bị cáo T rủ mua ma túy về cùng sử

dụng, G đưa cho T 600.000 đồng mua ma túy và chở bị cáo T đến khu vực đầu móm đê sông Đ, phường T, thành phố N. Bị cáo T đi bộ vào trong ngõ mua của một người thanh niên không rõ lai lịch 05 gói ma túy với giá 600.000 đồng, còn bị cáo G điều khiển xe đi mua dụng cụ sử dụng, sau đó cả hai đi ra khu vực bãi đất trống khu đô thị M, phường L, thành phố N để sử dụng thì bị Công an bắt giữ, thu giữ và niêm phong vật chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trịnh Trọng G từ 30 tháng đến 36 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T từ 27 tháng đến 33 tháng tù cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; không áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và G không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai nhận đã cùng đi mua 05 gói Heroine mục đích để sử dụng thì bị Công an phát hiện, bắt giữ, niêm phong vật chứng có sự chứng kiến của những người làm chứng. Bản kết luận giám định số 962/GĐKTHS ngày 05-12-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng thu giữ của các bị cáo là chất ma túy, loại chất ma túy là Heroine, có khối lượng là 0,425 (không phải bốn trăm hai mươi lăm) gam. Đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 01-12-2017, các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do đó, bị cáo T và G đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các quy định có lợi cho bị cáo được thực hiện theo Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án; tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm, bị cáo G là người bỏ tiền, bị cáo T trực tiếp đi mua ma túy về cùng sử dụng, do đó xác định vai trò của các bị cáo ngang nhau. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm khác. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo G chưa được xóa án tích về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T có nhân thân xấu đã bị kết án, đã được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản: Số ma túy sau khi giám định hoàn lại là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy; các tài sản gồm 01 điện thoại Nokia đã cũ và 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng có chữ Aolix thuộc quyền sở hữu của bị cáo T; các tài sản gồm 01 điện thoại Nokia; 01 thẻ căn cước công dân; 02 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận quân nhân đều mang tên Trịnh Trọng G cùng số tiền 237.000 đồng thuộc quyền sở hữu của bị cáo G, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1–62454 và 01 thẻ căn cước công dân mang tên là Trần Thị T tạm giữ của bị cáo G, Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Nam Định đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trịnh Trọng S, sinh năm 1988, nơi cư trú: số N phường H, thành phố N (em bị cáo G) và chị Trần Thị T, sinh năm

1987, nơi cư trú: số B tổ S đường K, thành phố P, tỉnh Hà Nam (vợ bị cáo G) là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo T và G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trịnh Trọng G:

1. Tuyên bố: Các bị cáo T và G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng G 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01-12-2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 01-12-2017.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy có trong phong bì niêm phong số 962/GĐKTHS; trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Nokia (màu đen) và 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu trắng có chữ Aolix; trả lại cho bị cáo G 01 điện thoại Nokia (màu đen, nắp dưới màu trắng), số tiền 237.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân, 02 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận quân nhân nhưng tạm giữ số tài sản trả lại cho các bị cáo để bảo đảm thi hành án (chi tiết vật chứng ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-3-2018 giữa Công an thành phố Nam Định và Chi cục Thi hành án thành phố Nam Định).

3. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo T và G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

